

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HOÀNG VIỆT DŨNG

**GIẢI PHÁP TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI DÂN
CÁC XÃ VÙNG ĐỆM CỦA VƯỜN QUỐC GIA
PHONG NHA - KỂ BÀNG THUỘC
HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGUYỄN THỊ NHƯ LIÊM**

Phản biện 1: **TS. NGUYỄN HIỆP**

Phản biện 2: **TS. PHAN VĂN TÂM**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 22 tháng 02 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việc làm luôn là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu trong các quyết sách phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia để hướng tới sự phát triển bền vững. Việc làm tạo ra thu nhập cho nuôi sống bản thân và gia đình người lao động, tạo ra của cải vật chất, từ đó giúp ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội.

Người dân các xã vùng đệm thuộc huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng bình, sống ở vành đai bao quanh VQG PN-KB. Vườn Quốc Gia Phong Nha Kẻ Bàng (VQGPN-KB) được thành lập theo Quyết định 189/QĐ-TT ngày 12-12-2001 của thủ tướng chính phủ, với diện tích quản lý là 85.754 ha. Ngày 05/07/2003/VQG PN-KB vinh dự được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới vì đây là một trong những hệ sinh thái vùng đá vôi (karst) nổi bật nhất trên thế giới.

Khu vực vườn Quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch của Tỉnh nhà, bao gồm cả kinh tế, văn hóa và xã hội. Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng là nơi có nhiều tài nguyên quý. Với hàng trăm loài thực vật, động vật quý hiếm thuộc vùng đệm có nguy cơ bị săn lùng của cư dân trong vùng, cũng như nguy cơ phá hoại những hệ thống bảo tồn của vùng đệm. Khi người dân có công ăn việc làm, đời sống của cộng đồng được cải thiện thì sẽ giảm áp lực tìm kiếm sinh nhai từ những tài nguyên của khu du lịch sinh thái, giảm thiểu được số người tàn phá rừng và đến một lúc nào đó người ta sẽ trân trọng và bảo vệ nó.

Với tầm quan trọng tạo việc làm cho người dân, tôi đã chọn đề tài: ***“Giải pháp tạo việc làm cho người dân các xã vùng đệm của Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình”*** để giúp cho Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch có những giải pháp thiết thực hơn.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề tạo việc làm.

- Đánh giá thực trạng việc làm trong lao động của người dân huyện Bồ Trạch.

- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm giải quyết việc làm cho người dân các xã vùng đệm thuộc huyện Bồ Trạch.

3. Câu hỏi hay giả thuyết nghiên cứu

- Vấn đề được quan tâm ở đây là gì? Tại sao vấn đề này lại quan trọng?

- Đã có những nghiên cứu nào liên quan đến vấn đề này?

- Thực trạng vấn đề đó tại địa phương như thế nào?

- Những giải pháp nào được đưa ra để giải quyết vấn đề?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:* những vấn đề kinh tế - xã hội liên quan đến giải pháp tạo việc làm cho người dân các xã vùng đệm của Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng thuộc huyện Bồ Trạch tỉnh Quảng Bình.

- *Phạm vi nghiên cứu:*

Phạm vi không gian: Địa bàn các xã vùng đệm của Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng thuộc huyện Bồ Trạch tỉnh Quảng Bình.

Phạm vi thời gian: Đề tài tập trung thu thập và nghiên cứu số liệu thứ cấp thời kỳ 2010 – 2012.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp: Thống kê, mô tả, so sánh, phân tích, tổng hợp và một số phương pháp khác.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

1.1. VIỆC LÀM VÀ TẠO VIỆC LÀM

1.1.1. Một số khái niệm

a. Khái niệm về lao động

- Lao động là hoạt động có ý thức của con người, đó là quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động lên đối tượng lao động cải biến nó tạo ra sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu của mình và xã hội.

b. Khái niệm về việc làm

Theo quan niệm của tổ chức lao động quốc tế (ILO): Việc làm là những hoạt động lao động được trả bằng tiền hoặc hiện vật. Vậy theo khái niệm trên, thì những người lao động mà dùng sức lao động của mình để có được nguồn thu nhập nào đó thì khi đó là có việc làm.

c. Khái niệm về tạo việc làm

Theo nghĩa rộng: Tạo việc làm là tổng thể những biện pháp, chính sách kinh tế xã hội của nhà nước, cộng đồng và bản thân người lao động tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo cho mọi người có khả năng lao động có việc làm.

Theo nghĩa hẹp: Tạo việc làm là các biện pháp chủ yếu hướng vào đối tượng thất nghiệp, thiếu việc làm nhằm tạo ra việc làm cho người lao động, duy trì tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp nhất.

1.1.2. Ý nghĩa và vai trò tạo việc làm

Vào bất cứ thời điểm nào và tại bất cứ nơi nào thì việc tạo việc làm cho người lao động là hết sức cần thiết. Người lao động có việc làm không những có lợi cho chính bản thân họ và gia đình đồng thời

cũng có lợi cho cả địa phương và quốc gia. Khi một quốc gia có tỷ lệ người thất nghiệp cũng như người thiếu việc làm cao thì chúng tỏ rằng quốc gia đó chưa khai thác và sử dụng hết nguồn lực của con người trong xã hội.

1.2. NỘI DUNG VÀ CHÍNH SÁCH TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

1.2.1. Tạo việc làm bằng phát triển kinh tế, ngành nghề mới

- Phát triển các hoạt động công nghiệp và dịch vụ, trong đó các hoạt động công nghiệp và dịch vụ có qui mô nhỏ, thu hồi vốn nhanh, sử dụng kỹ thuật tinh xảo và cần nhiều lao động địa phương.

- Khôi phục những ngành nghề truyền thống tận dụng lao động và nâng cao thu nhập, lựa chọn kỹ thuật phù hợp với điều kiện của gia đình, phân công lao động.

- Đa dạng hóa sản phẩm, tập trung vào những cây trồng, vật nuôi có giá trị cao nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động di chuyển để tìm kiếm việc làm, nhất là từ khu vực nông thôn lên các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp kể cả trong và ngoài tỉnh.

1.2.2. Tạo việc làm bằng đào tạo và dạy nghề

Đào tạo nghề là nhiệm vụ quan trọng trong sự phát triển nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tiến bộ, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho thời kì CNH – HĐH.

- Để đào tạo nghề thích ứng với nhu cầu xã hội cần xây có phương pháp tiếp cận hiệu quả trong đó quan trọng nhất là có sự tham gia của các đối tượng liên quan đến đào tạo nghề bao gồm:

- + Cơ sở cung cấp dịch vụ đào tạo nghề (Các cơ sở dạy nghề);
- + Cơ sở sử dụng lao động (nhu cầu xã hội mà đại diện là các doanh nghiệp);

+ Sản phẩm qua đào tạo (người lao động tốt nghiệp).

- Tổ chức hợp tác trong đào tạo nghề giữa các đối tác trong xã hội, đặc biệt là sự gắn kết giữa cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp. Sự hợp tác này trên cơ sở lợi ích lâu dài của các bên có liên quan, giúp cho người lao động học được nghề đúng với nhu cầu của doanh nghiệp và ngược lại doanh nghiệp tuyển được lao động phù hợp.

- Gắn đào tạo với thực hành, áp dụng vào thực tế tại gia đình và các cơ sở kinh tế địa phương để người lao động nâng cao tay nghề, học hỏi kinh nghiệm. Hợp tác đào tạo giữa Việt Nam cùng với các nước trong khu vực để nâng cao các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề, trong đó tập trung vào việc đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên dạy nghề.

- Nghiên cứu kĩ thị trường lao động nước ngoài đào tạo những ngành nghề phục vụ cho những lao động có nhu cầu xuất khẩu. Trong bối cảnh hội nhập, người lao động tự do di chuyển trong thị trường lao động khu vực và quốc tế.

1.2.3. Tạo việc làm bằng chính sách tài chính hỗ trợ người lao động

- Chương trình cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm là hoạt động tín dụng chính sách có một ý nghĩa quan trọng, đã góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn và nâng tỷ lệ sử dụng thời lao động ở khu vực nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế.

- Chương trình cho vay giải quyết việc làm góp phần tích cực giải quyết được nhiều việc làm cho xã hội, góp phần khôi phục các ngành nghề truyền thống.

- Hỗ trợ vốn cho các cơ sở sản xuất kinh doanh và hộ gia đình

để mở rộng sản xuất, thu hút tạo việc làm cho nhiều người lao động đặc biệt là lao động bị chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, lao động nữ, lao động tàn tật... góp phần làm giảm tỉ lệ thất nghiệp, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động.

1.2.4. Tạo việc làm bằng xuất khẩu lao động

Xuất khẩu lao động là việc đưa người lao động trong nước ra nước ngoài làm việc. Hiện nay xuất khẩu lao động là hoạt động kinh tế xã hội phổ biến của mọi địa phương trong cả nước.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và của tỉnh về hoạt động xuất khẩu lao động; giúp người dân nâng cao nhận thức, nắm rõ thông tin về thị trường lao động ngoài nước, số doanh nghiệp có đủ pháp nhân và được phép tuyển dụng lao động xuất khẩu hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Địa phương cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển mô hình liên kết xã, phường, thị trấn với các doanh nghiệp xuất khẩu lao động. Quan tâm tuyển chọn, cung ứng nguồn lao động có chất lượng...

- Nghiên cứu nhu cầu lao động của các nước để mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, bên cạnh những thị trường lao động của các nước truyền thống.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

1.3.1. Từ người lao động

- Nhận thức và ý chí của người lao động
- Khả năng và điều kiện

1.3.2. Chính quyền địa phương

Các chính sách của địa phương, sự quan tâm của các cấp đối với người lao động cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc tạo việc làm cho

người lao động.

- Dựa trên tình hình quy hoạch và định hướng của địa phương để đưa ra những chính sách tạo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động đồng thời phát triển kinh tế.

- Thực hiện những chính sách giáo dục và đào tạo giúp cho người lao động có đủ tri thức, năng lực và sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của công việc.

- Thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ tạo điều kiện cho người lao động phát triển sản xuất.

1.3.3. Chính sách quản lý nhà nước

- Để giải quyết việc làm cho người lao động, vấn đề quan trọng nhất là nhà nước phải tạo các điều kiện và môi trường thuận lợi để người lao động tự tạo việc làm trong cơ chế thị trường thông qua những chính sách cụ thể.

Chính sách khuyến khích phát triển các lĩnh vực ngành nghề có khả năng thu hút nhiều lao động.

Chính sách việc làm cho các đối tượng đặc biệt: người tàn tật, các đối tượng tị nạn xã hội.

- Quan hệ kinh tế, hợp tác quốc tế

1.4. KINH NGHIỆM GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

1.4.1. Kinh nghiệm giải quyết việc làm cho lao động ở Vĩnh Phúc

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn liền với chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, thu hút lao động nông nghiệp, nông thôn.

- Dạy nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nhất là cho lao động vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất

nông nghiệp.

- Thực hiện có hiệu lực và hiệu quả chủ trương yêu cầu các doanh nghiệp có dự án đầu tư phải bố trí lao động địa phương vào làm việc tại doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh xuất khẩu lao động là hướng quan trọng để giải quyết việc làm được Tỉnh chú trọng.

1.4.2. Kinh nghiệm giải quyết việc làm cho lao động tỉnh Bắc Ninh

- Đào tạo nghề gắn liền với giải quyết việc làm cho lao động ở những nơi chuyên đổi mục đích sử dụng đất.

- Quy định các doanh nghiệp, các chủ dự án sử dụng đất thu hồi phải sử dụng lao động tại địa phương.

Đây là chính sách giúp bình ổn cuộc sống tại những nơi có thực hiện dự án thu hồi đất.

- Phát triển làng nghề truyền thống thu hút lao động, cấp đất dân dân, đất khu dân cư dịch vụ để người nông dân “ly nông” nhưng không “ly hương”.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG CÁC XÃ VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA – KẾ BÀNG, HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC XÃ VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA- KẾ BÀNG THUỘC HUYỆN BỐ TRẠCH ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI DÂN LAO ĐỘNG

2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

b. Địa hình, khí hậu, thời tiết

Địa hình

Khí hậu, thời tiết

c. Đất đai và tài nguyên

Tài nguyên đất

Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên rừng

2.1.2. Điều kiện kinh tế

a. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Do đặc thù của vị trí địa lí nên vùng đệm VQG PNKB nên định hướng phát triển kinh tế của Vùng đệm có thể đa dạng các ngành nghề, với tiềm năng phát triển du lịch – dịch vụ. Phát triển những ngành nghề mang tính chất hậu cần như dịch vụ du lịch, khách sạn, ăn uống, phát triển đội ngũ phục vụ chuyên nghiệp...

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỉ trọng của

nông nghiệp thay vào đó gia tăng tỉ lệ thương mại, dịch vụ - du lịch và sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.

Khu vực vùng đệm chủ yếu là thuần nông nhưng thời gian qua nền kinh tế của các xã có sự chuyển dịch đúng hướng theo xu thế phát triển chung của huyện và tỉnh, đó là ngành nông lâm thủy sản có xu hướng giảm dần, nhưng ngành dịch vụ lại có xu hướng tăng đáng kể, góp phần tích cực đưa nền kinh tế của địa phương tăng trưởng đúng hướng. Cụ thể cơ cấu kinh tế như sau: Ngành Nông - lâm - thủy sản chiếm 77,57%; Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chiếm 4,11%; Ngành Thương mại - dịch vụ chiếm 17,94%.

b. Cơ sở hạ tầng

2.1.3. Điều kiện xã hội

a. Đặc điểm dân số

Theo số liệu thống kê năm 2012 khu vực các xã vùng đệm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng có 44.028 người, tỷ lệ tăng dân số là 0,41% so với năm 2011.

b. Văn hóa, y tế và giáo dục

Giáo dục và đào tạo

Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Văn hoá, thông tin và thể dục thể thao

2.2. TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG CỦA CÁC XÃ VÙNG ĐỆM HUYỆN BỐ TRẠCH

2.2.1. Lao động và nhân khẩu của các xã vùng đệm

Bảng 2.3. Cơ cấu lao động các xã vùng đệm giai đoạn 2010 – 2012

Chi tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012		Tốc độ tăng trưởng bình quân %
	Số lượng (người)	Cơ cấu %	Số lượng (người)	Cơ cấu %	Số lượng (người)	Cơ cấu %	
Dân số	43.790	100	43.846	100	44.028	100	100,27
Số người trong độ tuổi lao động	24.391	55,7	24.531	55,95	25.082	56,97	102,22
Số người trong độ tuổi LĐ tham gia vào các ngành kinh tế	22.536	92,39	22.822	93,0	23.441	93,46	102,0
Số người trong độ tuổi LĐ không tham gia vào các ngành kinh tế	1.855	7,61	1.709	7,0	1.641	6,54	94,07
Số người nằm ngoài độ tuổi lao động	19.399	44,3	19.315	44,05	18.946	43,03	98,83

(Nguồn số liệu: Phòng thống kê huyện Bố Trạch)

2.2.2. Lao động phân theo trình độ văn hóa

Bảng 2.4. Lao động phân theo trình độ văn hóa

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	LLLĐ (người)	Cơ cấu %	LLLĐ (người)	Cơ cấu %	LLLĐ (người)	Cơ cấu %
Không biết chữ	719	2,95	657	2,68	665	2,65
Chưa tốt nghiệp tiểu học	1.292	5,3	1.253	5,11	1.259	5,02
Đã tốt nghiệp tiểu học	11.259	46,16	11.296	46,05	11.663	46,5
Đã tốt nghiệp THCS	6.224	25,52	6.404	26,3	6.660	26,55
Đã tốt nghiệp THPT	4897	20,07	4.921	19,86	4.835	19,28
Tổng số	24.391	100	24.531	100	25.082	100

2.2.3. Lao động phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

Bảng 2.5. Lực lượng lao động chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật của các xã vùng đệm

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	LLLĐ (người)	Cơ cấu %	LLLĐ (người)	Cơ cấu %	LLLĐ (người)	Cơ cấu %
Không có chuyên môn kỹ thuật	18.366	75,3	18.383	74,94	18.723	74,65
Sơ cấp trở lên	3.463	14,2	3.544	14,45	3.633	14,48
Cao đẳng trở lên	2.562	10,5	2.604	10,61	2.726	10,87
Tổng số	24.391	100	24.531	100	25.082	100

(Nguồn số liệu: Phòng thống kê huyện Bồ Trách)

2.2.4. Lao động trong các ngành kinh tế

Bảng 2.6. Lực lượng lao động trong các ngành kinh tế

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
	Người	%	Người	%	Người	%
Tổng số	22.536	100	22.822	100	23.441	100
1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	17.080	75,79	17.321	75,90	18.192	77,61
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	904	4,01	772	3,38	630	2,69
3. Xây dựng	35	0,16	42	0,18	47	0,20
4. Thương nghiệp, sửa chữa, xe có động cơ, xe máy, gia đình ...	1.504	6,67	1.516	6,64	1.527	6,51

5. Vận tải kho bãi	773	3,43	790	3,46	690	2,94
6. Khách sạn, nhà hàng	403	1,79	447	1,96	351	1,50
7. Kinh doanh bất động sản	12	0,05	17	0,07	15	0,06
8. Hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể, hiệp hội ...	1.296	5,75	1.387	6,08	1.404	5,99
9. Dịch vụ khác	529	2,35	530	2,32	585	2,50

(Nguồn số liệu: Phòng thống kê huyện Bố Trạch)

2.3. THỰC TRẠNG GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG CÁC XÃ VÙNG ĐỆM CỦA HUYỆN BỐ TRẠCH

2.3.1. Các chính sách phát triển sản xuất thu hút lao động

a. Chính sách phát triển các ngành nghề

- Ngành nông, lâm nghiệp
- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn
- Thương mại - Dịch vụ và du lịch

b. Chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tạo việc làm cho lao động

2.3.2. Đào tạo nghề cho lao động và giới thiệu việc làm.

Bảng 2.12. Lao động được giải quyết việc làm giai đoạn 2010 – 2012

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng số lao động	Người	24.391	24.531	25.082
Lao động được giải quyết việc làm	Người	1.053	745	767
Tỉ lệ thất nghiệp	%	3,29	3,9	3,48

(Nguồn phòng lao động huyện Bố Trạch)

2.3.3. Chính sách tín dụng hỗ trợ tạo việc làm

- Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với các hộ nghèo và các đối tượng chính sách trong 3 năm từ 2010 đến 2012 cho vay với 1.395 hộ gia đình với số tiền 21.861 triệu đồng.

- Hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm và sản xuất kinh doanh hộ gia đình. Vốn vay đã giúp bà con nông dân chủ động nguồn tài chính để mua sắm thiết bị, máy móc, phân bón, giống cây trồng, vật nuôi trong 3 năm từ 2010 đến 2012 cho vay với 416 hộ gia đình với số tiền 10.841 triệu đồng.

- Hỗ trợ vay vốn đối với các đối tượng xuất khẩu lao động trong 3 năm từ 2010 đến 2012 với 154 hộ gia đình với số tiền 4.620 triệu đồng.

- Hỗ trợ tín dụng đối với học sinh, sinh viên trong 3 năm 2010 đến 2012 với 2.297 hộ gia đình với số tiền 12.235 triệu đồng.

2.3.4. Hoạt động xuất khẩu lao động

Xuất khẩu lao động được xem là giải pháp hữu hiệu nhằm giải quyết việc làm cho người lao động góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của địa phương và thực hiện những nhiệm vụ chính trị xã hội. Vì vậy những năm qua công tác đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu được thực hiện dưới nhiều hình thức:

- Mở những lớp đào tạo nghề theo nhu cầu của những nước có nhu cầu cần lao động xuất khẩu, để người lao động có thể được đào tạo bài bản có thể làm tốt công việc được giao, nâng cao tay nghề bản thân.

- Thực hiện những chính sách lãi suất cho vay hỗ trợ với lãi suất ưu đãi, đặc biệt là đối với những đối tượng khó khăn và con em gia đình chính sách.

- Thường xuyên tuyên truyền để người dân hiểu được tác phong trong lao động công nghiệp trong xuất khẩu lao động để người lao động chấp hành nghiêm túc luật pháp và phong tục tập quán nước sở tại và luật pháp Việt Nam, làm giàu chính đáng, về nước đúng hạn, tiếp tục lao động đóng góp cho quê hương.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

2.4.1. Kết quả giải quyết việc làm cho lao động những năm qua

2.4.2. Những tồn tại trong việc giải quyết việc làm

2.4.3. Nguyên nhân của những tồn tại

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI DÂN CÁC XÃ VÙNG ĐỆM HUYỆN BỐ TRẠCH

3.1. QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH ĐẾN NĂM 2020

3.1.1. Quan điểm

- Phát triển kinh tế - xã hội các xã vùng đệm VQG Phong Nha – Kẻ Bàng được đặt trong tổng thể sự phát triển kinh tế - xã hội của các huyện (Minh Hóa, Bố Trạch, Quảng Ninh) và của tỉnh Quảng Bình, gắn kết chặt chẽ với sự phát triển, bảo tồn giá trị di sản của VQG và thành phố Đồng Hới.

- Gắn chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế với việc thực hiện công bằng xã hội; xây dựng chiến lược vì con người, cho con người; giải quyết tốt các vấn đề xã hội như: xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và công tác ổn định dân cư. ...

3.1.2. Phương hướng tạo việc làm

a. Định hướng phát triển theo ngành

- Định hướng phát triển ngành nông nghiệp
- Định hướng phát triển ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp
- Phương hướng phát triển ngành dịch vụ, thương mại – du lịch

b. Định hướng phát triển theo vùng

- Phát triển vùng thấp
- Phát triển vùng cao

3.1.3. Mục tiêu tạo việc làm

- Mục tiêu cơ bản
- Mục tiêu cụ thể

3.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG CÁC XÃ VÙNG ĐỆM THUỘC HUYỆN BỐ TRẠCH

3.2.1. Phát triển sản xuất và đa dạng hóa ngành nghề

a. Mở rộng lĩnh vực kinh tế, phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Để thực hiện tốt công việc mở rộng và phát triển ngành dịch vụ của địa phương đòi hỏi phải thực hiện tốt những công việc sau:

+ Phát triển những ngành dịch vụ giải trí mà địa phương còn thiếu để đáp ứng những nhu cầu vui chơi, mua sắm và các hoạt động giải trí của khách du lịch,...

+ Khuyến khích thu hút các doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế hộ gia đình làm dịch vụ và bỏ vốn đầu tư

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty, tập đoàn đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ của địa phương để có điều kiện nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế địa phương ...

b. Phát triển kinh tế cộng đồng thông qua du lịch

- Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng là Di sản thiên nhiên thế giới có giá trị địa tầng, địa mạo, hệ thống thực vật và vẻ đẹp hang động và các giá trị văn hóa cổ truyền có giá trị lớn về du lịch.

- Các văn hóa vật thể, tinh thần của các tộc người ở khu vực này là tài sản có giá trị lớn được tích tụ trong quá trình lao động và sáng tạo của nhân dân. Nhiều yếu tố văn hóa đặc trưng của người dân nơi đây thu hút khách tham quan tìm hiểu khám phá.

Luật Du lịch do Quốc hội thông qua năm 2005 xác định khái niệm Du lịch sinh thái là hình thức du lịch “dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững”. ...

c. Ứng dụng một số nghiên cứu và tiến bộ khoa học, công nghệ

Đảng và Nhà nước nước ta khẳng định phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Trên cơ sở đó, nhiều kết quả nghiên cứu khoa học đã góp phần bảo tồn được các loài cây, con có giá trị đặc hữu tại vùng đệm khu vực Phong Nha- Kẻ Bàng, đồng thời xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, thúc đẩy sản xuất, hỗ trợ phát triển kinh tế của địa phương và khu vực tạo ra sinh kế, cải thiện và nâng cao đời sống cho người dân trong vùng. ...

d. Tiếp tục hoàn thiện, phát triển sản xuất các ngành

Phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp

- Bố trí sử dụng đất sản xuất nông nghiệp: Trong giai đoạn 2013 – 2020, một số diện tích đất tương đối bằng phẳng, có khả năng tiếp cận các công trình thủy lợi sẽ được đầu tư khai hoang mở rộng diện tích đất canh tác nông nghiệp.

Về chăn nuôi – thủy sản:

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp tập trung, sản xuất hàng hóa, kết hợp tăng quy mô tổng đàn gia súc, gia cầm hiện có với việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tạo đàn giống,...

Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

- Chú trọng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có công nghệ và kỹ thuật cao. ...

- Phát triển công nghiệp: Chú trọng những ngành, nghề có lợi thế, tập trung vào những nghề có nguyên liệu tại chỗ để khai thác chế biến như: Sản xuất đá xây dựng các loại, gạch, ngói các loại, sản xuất

điện thương phẩm.

Phát triển dịch vụ, thương mại - du lịch

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư mở rộng mạng lưới Thương mại - Dịch vụ.

- Đẩy mạnh phát triển các loại hình du lịch như: Du lịch văn hóa sinh thái; có thể kết hợp với các tour du lịch của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng ...

3.2.2. Tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động

Để thực hiện tốt công tác đào tạo nghề cho lao động cần có những giải pháp mang tính đột phá, phù hợp với thực trạng đào tạo nghề cho lao động nông thôn hiện nay trên địa bàn tỉnh

Tập trung đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tế của địa phương và doanh nghiệp.

- Đào tạo nghề tại phục vụ việc phát triển công nghiệp của địa phương như: cơ khí nông cụ, gò hàn, cắt may, xây dựng, điện tử - điện dân dụng, nghề mộc.

- Kết hợp với thế mạnh phát triển du lịch – dịch vụ tại địa phương đào tạo đội phục chuyên nghiệp: kinh doanh và quản lý du lịch – dịch vụ, đào tạo về chuyên môn du lịch.

3.2.3. Thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng

- Về phía nhà nước

Mở rộng hơn nữa các chương trình vay vốn đến tận tay người dân thông qua các tổ chức tín dụng, các ngân hàng, các tổ chức đoàn thể ở địa phương như hội phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên.

Cùng với việc cho vay vốn thì cần làm tốt công tác khuyến nông, hướng dẫn và tư vấn cho người dân cách thức đầu tư và sử dụng vốn vay mang lại hiệu quả cao ...

- Về phía người lao động:

Trước hết phải biết huy động vốn từ nguồn vốn của bản thân và gia đình, quan trọng là phải xác định kế hoạch sử dụng và phân bổ số vốn vay đó một cách hợp lí ...

Tận dụng tối đa các nguồn vốn hỗ trợ của ngân hàng với lãi suất thấp, các chương trình dự án tài trợ trong nước và nước ngoài.

3.2.4. Thực hiện chính sách xuất khẩu lao động

Xuất khẩu lao động là một hoạt động kinh tế xã hội góp phần phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, tạo thu nhập nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động, ...

Việc làm thông qua xuất khẩu lao động chiếm tỷ trọng đáng kể trong số việc làm do nền kinh tế tạo ra hàng năm, góp phần vào giảm tỷ lệ thất nghiệp và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Phối hợp với các công ty xuất khẩu lao động thường xuyên tuyên truyền tư vấn cho vay vốn, giáo dục định hướng tạo điều kiện cho người lao động đi xuất khẩu.

Mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, mặt khác khai thác các thị trường truyền thống như: Malaixia, Đài Loan, Hàn Quốc ...

Cần có những quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động cho con em chính sách hay những gia đình khó khăn, ...

KIẾN NGHỊ

Chính quyền địa phương cần coi trọng vấn đề tạo việc làm cho người lao động vì đây là vấn đề trọng tâm trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

Đối với huyện Bồ Trạch

- Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách cơ chế và nâng cao các biện pháp giải quyết việc làm, đặc biệt là các chính sách với ngành nghề kinh tế tư nhân, phát triển sản xuất nông nghiệp như chính sách đất đai, ...

Quan tâm tới công tác tư vấn việc làm cho học sinh ngay từ trong trường học, giúp các em nhận thức được vấn đề việc làm và con đường học tập...

Tổ chức thị trường sức lao động, phát triển các hình thức giao dịch về việc làm, đổi mới các chính sách và pháp luật về lao động...

Tiếp tục thực hiện ba chương trình kinh tế lớn: Chương trình lương thực, thực phẩm, chương trình hàng tiêu dùng và chương trình hàng xuất khẩu, thu hút mạnh mẽ lao động vào khu vực nông lâm ngư nghiệp ...

KẾT LUẬN

Qua phân tích thực trạng việc làm của lao động các xã vùng đệm của Vườn Quốc Phong Nha – Kẻ Bàng thuộc huyện Bố Trạch có thể rút ra một số kết luận sau:

Việc làm và vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của toàn Đảng và toàn dân, của các cấp, các ngành. Trong những năm qua Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều biện pháp để giải quyết việc làm cho lao động xã hội, thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình, dự án giải quyết việc làm ...kinh tế tăng trưởng kéo theo sự phát triển nhiều doanh nghiệp mới, mở rộng công suất, đã tạo ra ngày càng nhiều chỗ làm việc mới. Nhờ đó, hằng năm chúng ta giải quyết việc làm được hàng nghìn lao động, cơ cấu lao động đã từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ lệ thất nghiệp của lao động xã hội đã từng bước giảm dần, số người được giải quyết việc làm hằng năm đã tăng lên đáng kể.

Tuy nhiên do tốc độ tăng dân số còn cao, nhất là ở vùng nông thôn hằng năm số lượng lao động được đào tạo bài bản còn khá thấp, tăng trưởng kinh tế đòi hỏi điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa, sử dụng những công nghệ hiện đại, sử dụng ít lao động hơn làm cho thị trường lao động thêm căng thẳng. Nhiều cơ sở sản xuất sẽ phải bớt số nhân công, thay đổi công nghệ, hoặc chuyển đổi công nghệ, hoặc chuyển đổi hướng kinh doanh cùng với những thay đổi lớn trong lĩnh vực khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, cũng như cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ trong nước và thế giới, khiến tỷ lệ thất nghiệp không giảm nhiều.

Nhận thức được vị trí, vai trò của vấn đề giải quyết việc làm, trong những năm qua Ủy ban, hội đồng nhân dân, phòng nông

nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên ... của huyện Bồ Trạch đã có nhiều chủ trương, chính sách để giải quyết việc làm cho người lao động. Ba năm qua đã tạo việc làm cho hàng nghìn người lao động, hệ số sử dụng thời gian lao động ở nông thôn tăng lên, chất lượng nguồn lao động bước đầu có tiến bộ, từng bước đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài tỉnh. Tuy nhiên, vấn đề giải quyết việc làm cho lao động trong huyện cũng còn nhiều tồn tại:

+ Kinh tế tuy phát triển nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra, chuyển dịch cơ cấu kinh tế bước đầu có kết quả song còn chậm; lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ có tiềm năng nhưng do nguồn lực đầu tư còn hạn chế nên chưa được mở rộng, phát triển chậm. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp chưa được phát triển nên sản xuất cầm chừng, khả năng mở rộng sản xuất, thu hút lao động bị hạn chế.

+ Trình độ tay nghề của người lao động còn thấp chưa đáp ứng được đòi hỏi của người sử dụng lao động nên gặp khó khăn trong tìm kiếm việc làm.

+ Cơ chế chính sách giải quyết việc làm còn thiếu đồng bộ và chưa đủ mạnh. Vì vậy, sức ép về lao động và việc làm ở nông thôn vẫn còn là vấn đề bức xúc và khó khăn. Để nhanh chóng giảm được sức ép về lao động và giải quyết việc làm cho người lao động ở nông thôn trước hết cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

+ Tổ chức tốt công tác đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện chương trình giải quyết việc làm ở các cấp, hướng dẫn các chủ dự án mở rộng sản xuất, kinh doanh tạo nhiều chỗ làm việc cho người lao động.

+ Đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ: Thu hút đầu tư nhằm xây dựng và phát

triển các khu công nghiệp nhỏ, mở rộng dạy nghề cho lao động nông thôn, coi trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

+ Hỗ trợ trực tiếp cho lao động thất nghiệp và thiếu việc làm thông qua các chính sách như hỗ trợ về vay vốn, hỗ trợ đào tạo nghề

...

+ Làm tốt công tác hướng nghiệp và giới thiệu việc làm để người lao động có cơ hội tìm việc làm có mức thu nhập cao hơn.